

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ-ST
Ngày 26-02-2021
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Luyến

Ông Nguyễn Thành Biên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 240/2020/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 12 năm 2020 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H; nơi cư trú: ĐL 2, xã ĐH, huyện KT, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H; nơi cư trú cuối cùng ở Việt Nam: ĐL 2, xã ĐH, huyện KT, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Lãnh thổ Đài Loan. Vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn H trên cơ sở tự nguyện của hai bên, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng vào ngày 26 tháng 3 năm 2013. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc được mấy năm đầu thì anh H đi lao động tại Đài Loan. Từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do không có cùng quan điểm sống. Anh chị đã cố gắng hòa hợp song mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mặc dù mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải song không đạt kết quả. Chị chỉ biết hiện tại anh H sinh sống, lao động ở Đài Loan còn địa chỉ cụ thể ở đâu thì chị không rõ. Tuy nhiên, anh H vẫn liên lạc với người thân trong gia đình anh là bà Nguyễn Thị Vóc, sinh năm 1951, địa chỉ: Đại Lộc 2, Đại Hợp, Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng (là mẹ đẻ anh H). Hiện tại anh chị sống ly thân với nhau, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh H để chị nhanh chóng ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có một con chung là Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 14/3/2014. Hiện nay, cháu đang ở chị. Ly hôn, chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị xin tự giải quyết với anh H và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị xin tự giải quyết với anh H về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với anh Nguyễn Văn H:

Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý cho mẹ anh là bà Nguyễn Thị Vóc. Tòa án đã 2 lần thông báo cho bà Nguyễn Thị Vóc cung cấp địa chỉ của anh H ở Lãnh thổ Đài Loan và yêu cầu bà Vóc cho biết kết quả về việc bà đã thông báo cho anh H để gửi lời khai về Tòa án chưa. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Nguyễn Thị Vóc thể hiện: Anh H vẫn thường xuyên liên lạc với bà nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể anh H ở Lãnh thổ Đài Loan. Bà Vóc **đã thông báo cho anh H về yêu cầu của Tòa án**. Anh H đồng ý ly hôn với chị H nhưng anh không thể gửi lời khai về cho Tòa án vì công việc của anh bận, dịch bệnh Covid phức tạp nên điều kiện đi lại khó khăn. Bà Vóc đề nghị Tòa án giải quyết cho chị H và anh H ly hôn, để cho chị H được nuôi dưỡng con chung với điều kiện chị H không được cản trở việc nuôi dưỡng con chung. Nếu sau nay chị H không nuôi được con thì anh H sẽ nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa, chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn H đều vắng mặt và chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại đơn đề nghị xin vắng mặt của chị H thể hiện chị vẫn giữ nguyên lời khai như tại đơn khởi kiện, bản tự khai.

Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại **Điều 227 và Điều 228** Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn H xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng vào ngày 26 tháng 3 năm 2013 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 14/3/2014 cho chị Phạm Thị H nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con chung chị H xin tự giải quyết với anh H nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết. Về tài sản chung: Chị H xin tự giải quyết với anh H, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về việc ly hôn. Bị đơn anh Nguyễn Văn H có hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú cuối cùng ở thành phố Hải Phòng nhưng hiện đang sinh sống ở nước ngoài (Lãnh thổ Đài Loan), nguyên đơn chị Phạm Thị H sinh sống tại Hải Phòng, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn H đều vắng mặt, chị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Nguyễn Văn H: Tòa án đã thực

hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Nguyễn Văn H vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. **Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự**, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn H xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng vào ngày 26 tháng 3 năm 2013 theo quy định tại Điều 9, Điều 11 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng thể hiện: Vợ chồng hạnh phúc được mấy năm đầu thì anh H đi lao động tại Đài Loan. Chính vì sự xa cách về địa lý nên tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, mâu thuẫn vợ chồng phát sinh. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau được một khoảng thời gian dài, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải song không đạt kết quả. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị H và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

[4] Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn H có một con chung là: Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 14/3/2014. Xét thấy, chị Phạm Thị H, gia đình anh H đều có nguyện vọng để cho cháu Khôi ở với chị H. Mặt khác, từ nhỏ cháu Khôi ở với chị H, anh H đang ở nước ngoài nên không có điều kiện chăm sóc cháu Khôi. Do đó, cần giao con chung cho chị H chăm sóc, nuôi dưỡng đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, phù hợp với quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Về việc cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H xin tự giải quyết với anh H, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, chị xin tự giải quyết với anh Nguyễn Văn H nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn H.
2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Nguyên K, sinh ngày 14/3/2014 cho chị Phạm Thị H nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Phạm Thị H không yêu cầu giải quyết, chị xin tự giải quyết với anh Nguyễn Văn H nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị H không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung, chị xin tự giải quyết với anh Nguyễn Văn H nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai số 0019206 ngày 30 tháng 12 năm 2020 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Thị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị H (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Anh Nguyễn Văn H (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã Đại Hợp, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Dương

